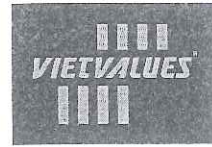


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	11 - 34



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 5503000020 ngày 01/09/2004, thay đổi lần 12 ngày 17/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Công ty đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/6/2010.

Mã cổ phiếu : VXB.

Vốn điều lệ : 40.490.060.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ trụ sở chính : 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại : +84 (75) 3829 857 – 3822 319

Fax : +84 (75) 3822 319

Mã số thuế : 1300108704

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	ngày bổ nhiệm	ngày miễn nhiệm
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	17/05/2013	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	21/08/2013	
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	26/04/2008	
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên	29/05/2010	
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	13/04/2013	

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	ngày bổ nhiệm	ngày miễn nhiệm
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng ban	15/03/2015	
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên	29/04/2008	
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	29/04/2008	



4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	ngày bổ nhiệm	ngày miễn nhiệm
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc	17/05/2013	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Phó Giám đốc	01/06/2013	
Ông Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám đốc	01/06/2013	
Ông Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc	01/06/2013	
Ông Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	01/05/2015	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty trong giai đoạn này và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Quốc Thông- Giám đốc Công ty (ngày bổ nhiệm 17 tháng 05 năm 2013).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 34.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 15 tháng 08 năm 2016.

TM. Hội đồng Quản trị



PHAN QUỐC THÔNG
Chủ tịch kiêm Giám đốc



Số: 2444/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Huỳnh Trúc Lâm - Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 1523-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.039.812.869	133.131.703.225
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	3.068.326.551	7.465.837.880
111	1. Tiền		3.068.326.551	7.465.837.880
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		92.336.764.102	108.075.141.063
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	83.150.364.181	102.459.161.230
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	535.501.749	1.750.295.148
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	9.155.918.732	4.470.705.245
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(505.020.560)	(605.020.560)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	33.634.722.216	17.590.724.282
141	1. Hàng tồn kho		33.634.722.216	17.590.724.282
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
155	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		48.218.162.919	43.176.705.308
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		17.080.668.964	15.732.758.720
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	16.244.874.361	14.896.964.117
222	- Nguyên giá		30.905.683.830	29.051.375.970
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.660.809.469)	(14.154.411.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	835.794.603	835.794.603
228	- Nguyên giá		835.794.603	835.794.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	13.848.002.964	13.848.002.964
231	- Nguyên giá		13.848.002.964	13.848.002.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.323.140.560	12.348.175.590
241	1 Chi phí dở sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	11.964.185.560	11.943.766.045
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	358.955.000	404.409.545
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.966.350.431	1.247.768.034
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	4.966.350.431	1.247.768.034
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		177.257.975.788	176.308.408.533

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		116.973.042.161	111.593.851.699
310	I. Nợ ngắn hạn		114.122.642.161	109.639.451.699
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	8.665.103.235	8.126.090.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	8.060.428.467	3.473.051.241
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.473.890.760	5.079.512.562
314	4. Phải trả người lao động	V.16	586.368.771	1.478.522.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.537.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	15.380.450.740	13.211.709.708
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	75.305.508.158	73.662.864.529
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	113.628.080	70.437.421
330	II. Nợ dài hạn		2.850.400.000	1.954.400.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	2.850.400.000	1.954.400.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		60.284.933.627	64.714.556.834
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	60.284.933.627	64.714.556.834
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	14.152.369.189
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.574.742.438	6.004.365.645
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		99.442.786	273.787.349
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.475.299.652	5.730.578.296
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		177.257.975.788	176.308.408.533

Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng


PHAN TẤN MỸ

Bến Tre, ngày 15 tháng 08 năm 2016.
Giám đốc

PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	83.615.279.676	77.483.985.325
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.615.279.676	77.483.985.325
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	75.316.601.387	69.880.536.396
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.298.678.289	7.603.448.929
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	35.743.787	129.575.041
22	7. Chi phí tài chính		2.943.146.046	2.399.642.630
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.943.146.046	2.399.642.630
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	1.474.083.050	1.023.860.523
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	3.315.828.317	2.711.893.163
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		601.364.663	1.597.627.654
31	11. Thu nhập khác	VI.6	1.262.663.863	652.700.693
32	12. Chi phí khác	VI.7	15.923.169	154.365.061
40	13. Lợi nhuận khác		1.246.740.694	498.335.632
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.848.105.357	2.095.963.286
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	372.805.705	461.111.923
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.475.299.652	1.634.851.363
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9	291	275

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ

Bến Tre, ngày 15 tháng 08 năm 2016.



Giám đốc

PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		113.936.470.115	102.700.669.775
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(74.996.307.811)	(61.146.024.021)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(3.758.095.283)	(4.992.060.018)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.943.146.046)	(2.399.642.630)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.002.768.076)	(1.983.399.427)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.992.879	25.577.813
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.271.556.851)	(32.041.480.113)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(1.033.411.073)</i>	<i>163.641.379</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.177.128.000)	(26.872.500)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.256.795	67.061.655
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.165.871.205)</i>	<i>40.189.155</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		58.449.396.315	50.327.079.220
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(55.910.752.686)	(47.566.144.796)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.736.872.680)	(5.923.513.350)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(2.198.229.051)</i>	<i>(3.162.578.926)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>(4.397.511.329)</i>	<i>(2.958.748.392)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.465.837.880	7.465.837.880
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	3.068.326.551	4.507.089.488

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) Là công ty cổ phần được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 146 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 120 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thể hiện tiền nộp cho nhà nước để thực hiện khai thác khoáng sản. Tiền cấp quyền trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trên giấy phép khai thác khoáng sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	04 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

8. Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

10. Nguyên tắc chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu Bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Số liệu so sánh

Trình bày lại chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước do có sự thay đổi tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng Phúc lợi theo Nghị Quyết đại Hội đồng cổ đông: 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2016.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	404	(129)	275

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.846.076.977	1.114.997.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	222.249.574	6.350.840.845
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3.068.326.551	7.465.837.880

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>83.150.364.181</i>	<i>102.459.161.230</i>
Công An Tỉnh Bến Tre- Phòng Hậu Cần	23.914.693.127	28.345.785.398
Ban Quản lý Dự Án Đầu tư Thành phố Bến Tre	13.443.560.599	22.393.862.805
Các khách hàng khác	45.792.110.455	51.719.513.027
Cộng	83.150.364.181	102.459.161.230

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	535.501.749	1.750.295.148
Công ty TNHH Kiến trúc Alpha	160.950.000	96.570.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kiến trúc Xây lắp Vĩnh An	68.629.453	307.429.453
Các nhà cung cấp khác	305.922.296	1.346.295.695
Cộng	535.501.749	1.750.295.148

4. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.155.918.732	-	4.470.705.245	-
Lê Hoàng Thanh - Đội xây dựng số 1	3.809.550.122	-	2.165.538.802	-
Lê Hoàng Dũng- Đội xây dựng số 4	2.560.959.225	-	993.049.853	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.785.409.385	-	1.312.116.590	-
Cộng	9.155.918.732	-	4.470.705.245	-

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	605.020.560	-
Quá hạn trên 03 năm	505.020.560	-	605.020.560	-
- Công ty TNHH XD Đại Gia phú	183.835.590	-	183.835.590	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển đô thị dầu khí	69.854.670	-	169.854.670	-
- Nguyễn Văn Phong	145.071.100	-	145.071.100	-
- Nguyễn Thị Thủy	65.894.380	-	65.894.380	-
- DNTN Xây dựng Chí Trung	25.843.820	-	25.843.820	-
- Công ty PT và Xây dựng Nhà Cửu Long	14.521.000	-	14.521.000	-
	505.020.560	-	605.020.560	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(605.020.560)	-	(605.020.560)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	100.000.000	-	100.000.000
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	(505.020.560)	-	(505.020.560)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.351.034.614	-	1.293.519.022	-
Công cụ, dụng cụ	36.392.592	-	34.686.911	-
Chi phí SXKD dở dang ⁽¹⁾	25.448.170.843	-	11.422.934.708	-
Thành phẩm ⁽²⁾	1.051.522.574	-	788.616.606	-
Hàng hóa ⁽³⁾	5.747.601.593	-	4.050.967.035	-
Cộng	33.634.722.216	-	17.590.724.282	-

⁽¹⁾ Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí sản xuất dở dang chủ yếu là chi phí xây dựng các khu tái định cư

Chi tiết :	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu tái định cư Mỹ Thạnh An	7.600.137.151	7.600.137.151
Trường THPT Huỳnh Tấn Phát	3.724.202.611	-
Các công trình khác	14.123.831.081	3.822.797.557
Cộng	25.448.170.843	11.422.934.708

⁽²⁾ Thành phẩm

Chủ yếu là gạch bê tông thành phẩm các loại.

⁽³⁾ Hàng hóa

Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xi măng các loại.

Hàng tồn kho của Công ty đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước dài hạn**

Chủ yếu là chi phí cấp quyền khai thác cát.

Chi tiết:	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Số đầu năm	1.247.768.034	721.804.617
Tăng trong kỳ	3.970.484.468	1.162.698.605
Phân bổ trong kỳ	(251.902.071)	(439.418.035)
Số cuối kỳ	4.966.350.431	1.445.085.187

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.662.022.661	4.066.072.692	16.816.514.735	191.702.728	315.063.154	29.051.375.970
Tăng trong kỳ	-	-	2.830.331.332	-	-	2.830.331.332
Mua trong kỳ	-	-	2.830.331.332	-	-	2.830.331.332
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(976.023.472)	-	-	(976.023.472)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(976.023.472)	-	-	(976.023.472)
Số cuối kỳ	7.662.022.661	4.066.072.692	18.670.822.595	191.702.728	315.063.154	30.905.683.830
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.787.672.057	3.401.280.805	7.576.683.413	76.586.719	312.188.859	14.154.411.853
Tăng trong kỳ	204.670.000	154.700.298	897.503.157	12.185.950	2.874.295	1.271.933.700
Khấu hao trong kỳ	204.670.000	154.700.298	897.503.157	12.185.950	2.874.295	1.271.933.700
Giảm trong kỳ	-	-	(765.536.084)	-	-	(765.536.084)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(765.536.084)	-	-	(765.536.084)
Số cuối kỳ	2.992.342.057	3.555.981.103	7.708.650.486	88.772.669	315.063.154	14.660.809.469
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.874.350.604	664.791.887	9.239.831.322	115.116.009	2.874.295	14.896.964.117
Số cuối kỳ	4.669.680.604	510.091.589	10.962.172.109	102.930.059	-	16.244.874.361

Trong đó: - Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.543.564.725 đồng

- Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 3.790.166.613 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam (xem tại thuyết minh mục V.19)

9. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài tại số 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đất này đang được sử dụng làm trụ sở hoạt động của Công ty)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư****10a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An	Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận(*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Mua mới	-	-	-
Số cuối kỳ	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Tồn thất do giảm giá trị trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Số cuối kỳ	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964

- Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.948.115.562VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Bến Tre.

- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện thực hiện. Vì vậy Công ty tạm lấy theo giá trị sổ sách.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí dự án Khu tái định cư Phú Tân. Công ty đã trình Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre số 102/TTr-VLXD ngày 14 tháng 09 năm 2015 về việc xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Phú Tân, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	404.409.545	2.784.876.787	(2.830.331.332)	358.955.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Cộng	404.409.545	2.784.876.787	(2.830.331.332)	358.955.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	8.665.103.235	8.126.090.066
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	2.500.350.700	440.298.250
Công ty TNHH Vận tải và Thi công Cơ giới Quỳnh Anh	1.470.000.000	209.560.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	973.434.380	1.150.454.780
Các nhà cung cấp khác	3.721.318.155	6.325.777.036
Cộng	8.665.103.235	8.126.090.066

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	8.060.428.467	3.473.051.241
Sở Lao động Thương binh xã hội Bến Tre	4.030.065.954	-
Ban Quản lý dự án Giáo dục	1.698.820.000	-
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Út Bức, Bến Tre	822.574.380	1.962.670.279
Các khách hàng khác	1.508.968.133	1.510.380.962
Cộng	8.060.428.467	3.473.051.241

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.889.434.811	599.420.570	(3.889.434.811)	599.420.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	844.951.241	372.805.705	(1.002.768.076)	214.988.870
Thuế thu nhập cá nhân	6.296.510	135.256.962	(15.097.952)	126.455.520
Thuế tài nguyên	120.230.000	528.378.400	(567.639.600)	80.968.800
Tiền thuế đất	-	304.841.000	-	304.841.000
Thuế bảo vệ môi trường	218.600.000	960.688.000	(1.032.072.000)	147.216.000
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	5.079.512.562	2.907.390.637	(6.513.012.439)	1.473.890.760

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác Đất để san lấp, xây dựng công trình với mức thuế suất 11%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trườngCông ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức phí phải nộp là 4.000đ/m³***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 01/2015/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 04 năm 2015. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo đơn giá tiền lương 394 đồng/1000 lợi nhuận trước thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí xây dựng nhà máy nước thải thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Thạnh An

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	15.380.450.740	13.211.709.708
Kinh phí công đoàn	11.756.580	68.696.888
Bảo hiểm xã hội	13.262.357	16.852.157
Bảo hiểm y tế	609.729	609.729
Bảo hiểm thất nghiệp	1.670.660	553.460
Các khoản phải trả ngắn hạn khác(*)	15.353.151.414	13.124.997.474
Cộng	15.380.450.740	13.211.709.708

(*) chủ yếu là khoản phải trả cho đội xây dựng

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Hoài Yên – Đội xây dựng số 2	7.810.936.092	6.681.211.716
Lê Văn Trung- Đội xây dựng số 6	2.428.659.324	3.020.022.786
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.113.555.998	3.423.762.972
Cộng	15.353.151.414	13.124.997.474

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính****19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽ⁱ⁾	74.127.808.158	74.127.808.158	70.998.966.490	70.998.966.490
Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	765.400.000	765.400.000	765.400.000	765.400.000
Vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – CN Bến Tre ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	1.409.898.039	1.409.898.039
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	412.300.000	412.300.000	488.600.000	488.600.000
Cộng	75.305.508.158	75.305.508.158	73.662.864.529	73.662.864.529

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –CN Bến Tre theo hợp đồng hạn mức số 01/2016/670816/HĐTĐ ngày 04 tháng 05 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc Thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau :

+ Tài sản cố định: Máy móc, thiết bị, thiết bị phương tiện vận chuyển theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/670816/HĐBD ngày 28/04/2014.

+ Vật tư tồn kho bình quân: của công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/670816/HĐBD ngày 28 tháng 04 năm 2014 và các văn bản bổ sung.

+ Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận: 8.145.000.000 đồng. (xem thuyết minh số V.8 và thuyết minh V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á- CN Bến Tre theo hợp đồng vay vốn số: 07.H0140/1HM ngày 31 tháng 07 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại Mỹ Thạnh An thành phố Bến Tre (xem thuyết minh số V.9)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Số đầu năm	73.662.864.529	68.954.044.017
Số tiền vay phát sinh	57.329.396.315	50.327.079.220
Kết chuyển từ vay dài hạn	412.300.000	-
Tăng khác	-	-
Số tiền vay đã trả	(56.099.052.686)	(47.566.144.796)
Giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	75.305.508.158	71.714.978.441

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre</i>	<i>3.038.700.000</i>	<i>3.038.700.000</i>	<i>1.954.400.000</i>	<i>1.954.400.000</i>
Cộng	3.038.700.000	3.038.700.000	1.954.400.000	1.954.400.000

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp vay số 01/2015/670816 ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Mục đích vay: Đầu tư mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO phục vụ hoạt động kinh doanh

Thời hạn vay: 05 năm

Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 2 lần/ 1 năm vào các ngày 1/5, 1/11 trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh

Tài sản thế chấp: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO theo hợp đồng thế chấp TS số 01/2015/670816/HĐBĐ ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Chi tiết phát sinh các khoản vay dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Số đầu năm	1.954.400.000	-
Số tiền vay phát sinh	1.120.000.000	-
Tăng khác	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(224.000.000)	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	2.850.400.000	-

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
		lập từ lợi nhuận		
Quỹ khen thưởng	49.295.410	96.115.659	(119.000.000)	26.411.069
Quỹ phúc lợi	21.142.011	950.920.000	(884.845.000)	87.217.011
Cộng	70.437.421	1.047.035.659	(1.003.845.000)	113.628.080

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	13.116.089.803	8.778.924.967	66.452.836.770
-Tăng từ lãi năm trước	-	-	1.036.279.386	5.836.805.221	6.873.084.607
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(8.611.364.543)	(8.663.089.967)
Số dư cuối năm trước, Số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.004.365.645	64.714.556.834
-Tăng từ lãi trong năm	-	-	-	1.475.299.652	1.475.299.652
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.904.922.859)	(5.904.922.859)
Số dư cuối kỳ	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	1.574.742.438	60.284.933.627

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	20.146.260.000	49,76	20.146.260.000	-
Cổ đông khác	20.343.800.000	50,24	20.343.800.000	-
Cộng	40.490.060.000	100	40.490.060.000	-

Đại diện cho phần vốn cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.490.060.000	40.490.060.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.490.060.000	40.490.060.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.858.807.200	6.073.509.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.049.006	4.049.006
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.049.006	4.049.006

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

21e. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển được dùng:*
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
 - + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
 - + Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
 - + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng được dùng để:*
 - + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
 - + Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
 - + Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
 - + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- *Quỹ phúc lợi được dùng để:*
 - + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - + Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
 - + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
 - + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21f. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2016 như sau:

Số dư đầu năm (1)	6.004.365.645
Tăng từ lợi nhuận sau thuế (2)	1.475.299.652
Phân phối trong kỳ (3)	(5.904.922.859)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	4.858.807.200
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.046.115.659
Số dư cuối kỳ (4)=(1)+(2)-(3)	1.574.742.438

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu hàng hóa	33.232.248.716	27.855.281.960
Doanh thu thành phẩm	6.023.952.131	5.468.545.002
Doanh thu vận tải	792.306.914	1.216.818.589
Doanh thu xây dựng các công trình	43.566.771.915	39.334.937.880
Doanh thu san lấp	-	376.753.636
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	3.231.648.258
Cộng	83.615.279.676	77.483.985.325

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.314.196.941	26.492.213.249
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.933.067.084	4.532.877.630
Giá vốn vận tải	760.184.421	956.614.512
Giá vốn xây dựng các công trình	39.309.152.941	34.658.218.074
Giá vốn san lấp	-	344.729.577
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	2.895.883.354
Cộng	75.316.601.387	69.880.536.396

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.741.537	67.061.655
Doanh thu khác	24.002.250	62.513.386
Cộng	35.743.787	129.575.041

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân viên bán hàng	752.165.187	475.018.041
Chi phí vận chuyển	322.610.007	307.652.085
Chi phí bốc xếp	259.994.599	138.745.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.690.750	12.231.988
Chi phí bằng tiền khác	127.622.507	90.212.807
Cộng	1.474.083.050	1.023.860.523

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	1.634.379.725	842.573.652
Chi nguyên vật liệu	148.540.545	135.789.305
Khấu hao tài sản cố định	229.946.923	233.786.170
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(100.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.008.439	469.189.958
Chi phí bằng tiền khác	956.952.685	1.024.554.078
Cộng	3.315.828.317	2.711.893.163

6. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập từ hàng khuyến mãi	770.947.846	516.408.813
Thu từ thanh lý TSCĐ	198.603.520	-
Chiết khấu mua hàng	148.711.543	31.827.729
Thuê kho	122.000.000	72.000.000
Khác	22.400.954	32.464.151
Cộng	1.262.663.863	1.592.492.053

7. Chi phí khác

Chủ yếu là chi phí phạt vi phạm thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.848.105.357	2.095.963.286
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.923.169	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.864.028.526	2.095.963.286
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.864.028.526	2.095.963.286
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	372.805.705	461.111.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	372.805.705	461.111.923

9. Lãi trên cổ phiếu*Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.475.299.652	1.634.851.363
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	(295.059.930)	(523.057.830)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.180.239.722	1.111.793.534
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	291	275

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Công ty căn cứ vào tỷ lệ trích lập năm 2015 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế và sẽ được điều chỉnh lại khi có Nghị quyết chính thức.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.470.696.150	35.877.647.708
Chi phí nhân công	18.366.330.527	16.920.996.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.269.059.405	1.315.086.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.828.333.254	1.484.302.858
Chi phí khác	5.007.731.597	5.737.317.307
Cộng	70.942.150.933	61.335.350.749

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	420.928.200	342.720.000
Tiền thưởng	-	-
Cộng	420.928.200	342.720.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

6 tháng đầu năm 2016

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.256.200.847	43.566.771.915	792.306.914	83.615.279.676
Giá vốn hàng bán	35.247.264.025	39.309.152.941	760.184.421	75.316.601.387
Lãi gộp	4.008.936.822	4.257.618.974	32.122.493	8.298.678.289

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6 tháng đầu năm 2015**

<i>T</i> <i>r</i> <i>l</i>	Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
<i>n</i> <i>h</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.323.826.962	42.566.586.138	1.593.572.225	77.483.985.325
<i>b</i>	Giá vốn hàng bán	31.025.090.879	37.554.101.428	1.301.344.089	69.880.536.396
<i>đ</i> <i>v</i>	Lãi gộp	2.298.736.083	5.012.484.710	292.228.136	7.603.448.929

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay gồm : Giá trị tài sản cố định, vật tư tồn kho bình quân và giá trị Quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre định giá để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19). Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 3.790.166.613 đồng.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	72,80	81,98
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	27,20	18,02
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	65,99	62,32
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	34,01	37,68
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,32
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,84	0,92
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,03	0,07
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	9,92	9,81
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,76	2,11
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	47,30	46,15
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	0,83	0,97
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	2,36	2,57

Bến Tre, ngày 15 tháng 08 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





NGUYỄN THỊ KIM THI

PHAN TẤN MỸ

PHAN QUỐC THÔNG